

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1938/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tổng Mỹ Hạnh;
2. Bà Kiều Thị Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1088/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 372/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2022.

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc Q, sinh năm: 1973

Thường trú: số 497/4 đường Lạc Long Q, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: số 122/1 đường Bùi Tư T, khu phố 4, phường An L, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: số 122/1 đường Bùi Tư Toàn, khu phố 4, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Q trình bày:

Bà và ông Huỳnh Quốc S sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86 quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân xã An Lạc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/1999.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S không chung thủy với bà và có mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Mặc dù bà đã tha thứ và bỏ qua nhưng ông S vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và sinh ra nhiều mâu thuẫn, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Cả hai không còn lắng nghe, chia sẻ và thông cảm cho nhau làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng, bà cảm thấy cuộc sống vô cùng áp lực. Vợ chồng bà đã không còn sự thấu hiểu chia sẻ như trước đây nên tình cảm không còn, không quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: hai bên có 01 con chung là Huỳnh Quang Đ, sinh ngày 02/6/2002 hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: bà Q và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Q xác định không có.

Bị đơn: ông Huỳnh Quốc S đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nhưng ông S không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: bà Huỳnh Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Sơn.

- Về con chung: hai bên có 01 con chung là Huỳnh Quang Đ, sinh ngày 02/6/2002 hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: bà Q và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Q xác định không có.

Bị đơn: ông Huỳnh Quốc S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Q nhưng ông vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về thời hạn xét xử được đảm bảo.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Quang Đ, sinh ngày 02/6/2022 đã thành niên nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Quốc S. Ông S hiện đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc ly hôn giữa ông S và bà Q nhưng ông S vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyền số 01/99 ngày 27/4/1999 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Lạc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/1999 có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Ngọc Q và ông Huỳnh Quốc S là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Ngọc Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng bà Quân, ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S không chung thủy với bà Q và có mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Mặc dù bà Q đã bỏ qua và tha thứ nhưng ông S vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, cả hai không còn lắng nghe, chia sẻ và thông cảm cho nhau làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng. Vợ chồng ông bà đã không còn sự thấu hiểu chia sẻ như trước đây nên tình cảm không còn, không quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã có Công văn xác minh về tình trạng hôn nhân số 1966/TABT ngày 21/9/2022 và Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời Ủy ban nhân dân phường An Lạc chưa nhận được đơn yêu cầu hòa giải của vợ chồng bà Huỳnh Ngọc Q và ông Huỳnh Quốc S nên không nắm được mâu thuẫn trong gia đình cũng như không nhận hay biết được tin tức mâu thuẫn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương của hai vợ chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau đó vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của vợ chồng. Nhưng hiện tại bà Q không còn tha thiết muốn sống chung với ông S nữa. Tòa án đã triệu tập hòa giải để đôi bên được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng bà Q vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông S vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu của bà Quân. Nhận thấy, bà Q và ông S đã không còn tôn trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn với ông S.

[2.2] Về con chung: hai bên có 01 con chung là Huỳnh Quang Đ , sinh ngày 02/6/2002 hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Q không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà Q xác nhận hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Q xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 19, 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc Q về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Quốc S.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Ngọc Q được ly hôn với ông Huỳnh Quốc S. Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01/99 ngày 27/4/1999 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Lạc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: có 01 con chung là Huỳnh Quang Đ, sinh ngày 02/6/2002 hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động, bà Q không có yêu cầu gì nên không xem xét.

1.3 Về tài sản chung: bà Q xác nhận hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4 Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Q xác định không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Ngọc Q phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Huỳnh Ngọc Q đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số AA/2021/0034524 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- CCTHADS Q.Bình Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP - HS (Mai).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Phước